TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20/5/2022
V/v "Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Thành Diệp**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Mai Văn Tự**
2. Bà **Hoàng Thị Thanh Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Tuyết Mai** – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Chí Dũng** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 103/2022/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trà H, sinh năm 1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp P, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.
- *Bị đơn*: Chị Lê H, sinh năm 1967 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp P, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2022 và lời khai của nguyên đơn anh Trà H:

Anh và Lê H chung sống vợ chồng vào năm 1990, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do kinh tế, tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, vợ chồng còn sống chung nhà, nhưng không còn quan hệ vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị Lê H.

Về con chung: Có 02 con tên Trà Thị M, sinh năm 1991 và Trà Thị H, sinh năm 1993 đã thành niên.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H trình bày không có.

- Bị đơn – chị Lê H trình bày:

Chị thống nhất như lời trình bày của anh Trà H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, vợ chồng chung sống vào năm 1990, không có

tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 1994 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H sống không chung thủy, về nhà đánh đập chị, do thương con nên cố gắng chịu cho đến nay, vợ chồng còn sống chung nhà nhưng ít quan hệ vợ chồng. Nay anh H yêu cầu ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Có 02 con tên Trà Thị M, sinh năm 1991 và Trà Thị H, sinh năm 1993 đã thành niên.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H trình bày không có.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi vào nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về người tham gia tố tụng anh Trà H và chị Lê H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh Trà H đối với chị Lê H là vợ chồng; về con chung: Có 02 con tên Trà Thị M, sinh năm 1991 và Trà Thị H, sinh năm 1993 đã thành niên. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Anh Trà H và chị Lê H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét thấy, anh Trà H và chị Lê H chung sống vợ chồng từ năm 1990, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn, mặc dù anh, chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ vợ chồng của anh, chị vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên anh, chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Có 02 con tên Trà Thị M, sinh năm 1991 và Trà Thị H, sinh năm 1993 đã thành niên.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh H và chị H trình bày không có.

[5] Về án phí: Anh Trà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. **Tuyên bố**: Không công nhận quan hệ giữa anh Trà H và chị Lê H là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 con tên Trà Thị M, sinh năm 1991 và Trà Thị H, sinh năm 1993 đã thành niên.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trà H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012188 ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Báo cho anh H và chị H biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa hương nơi cư trú.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện D;
- Cc.THADS Huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THÀNH DIỆP